

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 21/04/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0042	SV6200051	Chu Văn	An	12/09/1999		
2	TA0043	SV6200052	Nguyễn Trường	An	16/03/1999		
3	TA0044	SV6200053	Chu Văn	Anh	06/06/1999		
4	TA0045	SV6200054	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999		
5	TA0046	SV6200055	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999		
6	TA0047	SV6200056	Hoàng Thị Lan	Anh	16/09/1999		
7	TA0048	SV6200057	La Tu	Anh	20/11/1999		
8	TA0049	SV6200058	Nguyễn Hải	Anh	15/09/1999		
9	TA0050	SV6200059	Nguyễn Lan	Anh	29/10/1999		
10	TA0051	SV6200060	Phạm Minh	Anh	01/07/1999		
11	TA0052	SV6200061	Nguyễn Thị	Ánh	25/07/1999		
12	TA0053	SV6200062	Đinh Gia	Bách	15/01/2000		
13	TA0054	SV6200063	Vũ Trọng	Bách	06/09/2000		
14	TA0055	SV6200064	Thái Vĩnh	Bảo	18/12/1998		
15	TA0056	SV6200065	Nguyễn Thị	Bích	26/07/2000		
16	TA0057	SV6200066	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	19/05/2000		
17	TA0058	SV6200067	Dương An	Bình	20/01/1999		
18	TA0059	SV6200068	Vũ Thị Thanh	Bình	30/11/1999		
19	TA0060	SV6200069	Trương Minh	Châu	13/06/1999		
20	TA0061	SV6200070	Bùi Văn	Chiến	20/02/1999		
21	TA0062	SV6200071	Đinh Văn	Chiến	08/10/1999		
22	TA0063	SV6200072	Nguyễn Thị	Chinh	17/07/1999		
23	TA0064	SV6200073	Nguyễn Thị Lan	Chinh	14/06/1999		
24	TA0065	SV6200074	Đỗ Đức	Chính	02/06/1999		
25	TA0066	SV6200075	Ngô Văn	Chính	23/08/2000		
26	TA0067	SV6200076	Đặng Thành	Công	06/09/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0068	SV6200077	Nguyễn Kim	Cương	28/04/1999		
28	TA0069	SV6200078	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1999		
29	TA0070	SV6200079	Lê Văn	Cường	03/11/1999		
30	TA0071	SV6200080	Lương Văn	Cường	21/11/1999		
31	TA0072	SV6200081	Mai Quốc	Cường	10/08/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)